

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỖ TRỢ SINH VIÊN**  
**CÓ HỘ KHẨU TRONG VÙNG LŨ LỤT**

(Kèm theo Quyết định số: 136/QĐ-DSG-TĐKT ngày 20 tháng 10 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Hộ khẩu	Điểm TB học kỳ 2 (2019 - 2020)	Ghi chú
1	DH11701585	Trần Nguyễn Minh Tú	D17_CDT04	Quảng Bình	6,29	
2	DH71702085	Trần Ngọc Thành	D17_MAR03	Quảng Nam	7,60	
3	DH71704447	Nguyễn Dương Trường Tuấn	D17_MAR03	Quảng Nam	5,95	
4	DH71704494	Huỳnh Tú Uyên	D17_MAR03	Quảng Bình	7,18	
5	DH71701029	Hoàng Thị Hiếu	D17_TC01	Quảng Nam	6,70	
6	DH71702294	Phạm Quốc Tiểu Yên	D17_TC01	Quảng Nam	5,70	
7	DH71703828	Nguyễn Thị Lan Nguyên	D17_TC02	Quảng Nam	6,45	
8	DH71703880	Nguyễn Quang Nhật	D17_TC02	Thừa Thiên Huế	6,46	
9	DH51700317	Nguyễn Văn Sinh	D17_TH02	Quảng Nam	5,55	
10	DH51700818	Ngô Tường Vũ	D17_TH04	Quảng Nam	6,83	
11	DH51703549	Phạm Quang Khánh	D17_TH08	Quảng Trị	6,17	
12	DH51704846	Lê Hứa Thị Tuyết	D17_TH09	Quảng Nam	8,33	
13	DH51703592	Lê Thị Lệ Kiều	D17_TH10	Quảng Nam	6,00	
14	DH61703789	Võ Thị Thanh Ngân	D17_TP04	Quảng Bình	5,90	
15	DH61704569	Nguyễn Thị Như ý	D17_TP04	Quảng Nam	5,79	
16	DH81705254	Phạm Ngọc Thanh Nguyên	D17_XD02	Quảng Nam	8,73	
17	DH81701048	Lê Văn Phát	D17_XD02	Quảng Nam	8,05	
18	DH81701031	Lê Nguyễn Thanh Trinh	D17_XD02	Quảng Nam	7,95	
19	DH11801580	Lê Phạm Hoàng Vĩ	D18_CDT02	Quảng Nam	5,85	
20	DH71804694	Lê Đức Hoàng	D18_KD03	Quảng Trị	5,68	
21	DH71805445	Đặng Hoàng Quốc	D18_KD03	Quảng Nam	6,68	
22	DH71805150	Nguyễn Thị Thanh Ngân	D18_MAR05	Quảng Nam	5,84	
23	DH71802579	Cao Quang Huy	D18_TC02	Quảng Nam	7,05	
24	DH71805579	Lê Thị Đoàn Thi	D18_TC03	Quảng Nam	6,26	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Hộ khẩu	Điểm TB học kỳ 2 (2019 - 2020)	Ghi chú
25	DH51802094	Hồ Anh Vũ	D18_TH05	Quảng Trị	5,89	
26	DH51803355	Phan Anh Minh	D18_TH08	Thừa Thiên Huế	6,56	
27	DH51802058	Võ Đức An Khang	D18_TH13	Quảng Nam	6,58	
28	DH51803372	Lê Thanh Toàn	D18_TH14	Quảng Nam	5,78	
29	DH91800134	Lê Thị Thìn	D18_TK2TT	Thừa Thiên Huế	7,53	
30	DH61804974	Lê Thị Thùy Linh	D18_TP03	Quảng Nam	6,53	
31	DH61805447	Cát Thị Ngọc Quỳnh	D18_TP03	Quảng Nam	7,68	
32	DH81804504	Nguyễn Hữu Đính	D18_XD02	Quảng Trị	6,88	
33	DH71903314	Võ Thị Diễm	D19_QT03	Quảng Nam	7,39	
34	DH71901392	Lê Thị Thanh Hiền	D19_QT06	Quảng Nam	7,33	
35	DH71905365	Hà Hải Hưng	D19_QT08	Thừa Thiên Huế	6,56	
36	DH71902594	Dương Bảo Long	D19_QT09	Quảng Trị	5,94	
37	DH71905539	Nguyễn Trần Anh Tuấn	D19_QT09	Quảng Bình	7,61	
38	DH71902613	Nguyễn Hoàng Cẩm Ly	D19_QT10	Quảng Nam	5,56	
39	DH71902615	Trần Thị Hồng Thủy	D19_QT10	Quảng Nam	6,83	
40	DH51904003	Trịnh Ngô Tân Minh	D19_TH04	Thừa Thiên Huế	6,09	
41	DH51904019	Trương Thị Hồng Mỹ	D19_TH05	Quảng Nam	6,39	
42	DH51902780	Lê Thanh Tâm	D19_TH06	Quảng Trị	5,91	
43	DH51902622	Huỳnh Thế Vũ	D19_TH06	Thừa Thiên Huế	6,00	
44	DH51903215	Trần Hoài Bảo	D19_TH07	Thừa Thiên Huế	6,00	
45	DH51903781	Trần Minh Khang	D19_TH09	Quảng Trị	6,30	
46	DH51904677	Nguyễn Hào Toàn	D19_TH09	Quảng Trị	7,43	

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020*

**HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

**PGS. TS. Cao Hào Thi**